

Số: *93* /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày *31* tháng 12 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26/4/2002;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3115/TTr-STC ngày 22/12/2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành Quyết định về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Đối tượng thu tiền thuê đất, thuê mặt nước

Quy định tại Điều 2, Chương I Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ.

**Điều 3.** Đơn giá thuê đất

1. Đơn giá thuê đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp một năm tính bằng 1,0% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do UBND tỉnh quyết định.

2. Đơn giá thuê nhóm đất nông nghiệp một năm tính bằng 0,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do UBND tỉnh quyết định.

3. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng.

**Điều 4.** Đơn giá thuê mặt nước

Mặt nước không thuộc phạm vi quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 2003 được quy định đơn giá thuê như sau:

1. Dự án sử dụng mặt nước cố định: 70.000.000 đồng/km<sup>2</sup>/năm.

2. Dự án sử dụng mặt nước không cố định: 175.000.000 đồng/km<sup>2</sup>/năm.

**Điều 5.** Đơn giá thuê đất và thuê mặt nước trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thuê và mặt nước thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thuê, mặt nước thuê là đơn giá trúng đấu giá.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với trường hợp tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất;

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân thuê đất.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp xã thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất của đối tượng được Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước và việc thu nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và quy định của Quyết định này.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, phối hợp với Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước cấp huyện tổ chức thực hiện việc quản lý đối tượng thuê và thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với hộ gia đình và cá nhân thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và quy định của Quyết định này.

5. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh tổ chức thực hiện việc quản lý đối tượng thuê và thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn của tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2010. Đối với các trường hợp đã ký hợp đồng thuê đất mà trong hợp đồng thuê đất đã xác định rõ đơn giá thuê đất thì trong thời hạn ổn định 05 năm không xác định lại đơn giá thuê đất.

Quyết định này thay thế Quyết định số 35/2006/QĐ-UBND ngày 12/5/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 8.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND

các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
  
- Sở Tư pháp;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, TH, CNN, KT.  
ThaTM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đình Quốc Thái**